TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-PT
Ngày: 25 - 01 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Thịnh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Hứa Minh Thạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 101/2017/HSPT ngày 07 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2017/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Nguyễn Văn T; sinh năm: 1983; tên gọi khác: **TL**; đăng ký thường trú: đường C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ta và bà Lê Bạch Hu; tiền sự: Không; tiền án:

1. Ngày 19/5/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong ngày 08/8/2006;

2. Ngày 27/02/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 08/7/2009;

3. Ngày 28/02/2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xử phạt 05 năm tù về tội Lây truyền HIV cho người khác và tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 21/01/2015.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/6/2015 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án này còn có bị cáo Từ Vũ P, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 10/06/2015, Từ Vũ P đang ngồi quán nhậu ở ấp T, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang thì Nguyễn Văn T đi bộ đến và kêu P chở T đi có việc, P đồng ý và sử dụng xe mô tô biển số 95E1-195.24 chở T đi. Khi đi đến khu tái định cư xã L thì T và P phát hiện nhà chị Nguyễn Thị N cửa rào không đóng, trong nhà còn mở đèn sáng và không có người ở nhà. T nói Ph dừng lại và xuống xe, lúc này P biết T sẽ đột nhập vào nhà chị N để lấy trộm tài sản nên đứng bên ngoài đợi, quan sát và canh đường cho T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. T đi vào nhà chị N, đến cửa chính dùng một đoạn sắt cạy cửa nhà chính đột nhập vào bên trong lấy trộm 01 túi xách da màu xanh (bên trong túi các có 02 chai nước hoa) mang ra treo lên cổ xe mô tô của P. Sau đó T tiếp tục quay lại nhà chị N tìm kiếm và lấy trộm 01 két sắt ôm ra và kêu P chở về nhà trọ Hồng Phúc tại ấp T, xã L, huyện P, (nơi P đang ở trọ).

Tại phòng trọ, T và P cùng mở két sắt nhưng không mở được, T hỏi P có biết B (Dương Công B) không, P trả lời có biết, T liền bảo P chở T đi gọi B lại mở giùm. Khi gặp B, T nhờ đến mở két sắt giùm thì được B đồng ý, sau đó P chở T và B quay lại phòng trọ của P. Khi đến phòng trọ, B dùng đoạn sắt và chìa khóa vặn ốc xe để mở két sắt nhưng không được. Sau đó cả ba mang két sắt đến phía sau vườn nhà B, tại đây B tiếp tục dùng búa và cây cạy lốp xe cạy két sắt, khoảng 03 phút sau thì mở được két sắt ra và phát hiện bên trong két sắt có các loại tài sản gồm: nhiều giấy tờ cá nhân, 02 con dấu, nhiều dây chuyền, nhẫn và lắc bằng vàng và bạch kim; 2.900.000 đồng tiền Việt Nam. T dùng bật lửa đốt các giấy tờ cá nhân và 02 con dấu, B và P khiêng két sắt ném xuống kênh C; T chia cho P 1.000.000 đồng, chia cho B 900.000 đồng, tài sản còn lại T cất giữ cho đến khoảng 10 giờ ngày 11/6/2015 thì đưa cho P 02 sợi dây chuyền, 02 dây lắc và 01 chiếc nhẫn vàng.

Đến khoảng 02 giờ, ngày 11/6/2015, anh Lê Long H (chồng chị N) phát hiện cửa nhà bị cạy khóa và bị mất trộm tài sản.

Sau đó, khoảng 06 giờ 15 phút, ngày 11/6/2015, Dương Công B đến Công an tỉnh Hậu Giang trình báo sự việc và giao nộp số tiền 900.000 đồng.

Khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, Từ Vũ P bị Công an huyện PH kết hợp với Công an tỉnh Hậu Giang bắt cùng với tang vật gồm: 02 sợi dây chuyền vàng, 02 dây lắc vàng, 01 nhẫn vàng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng-đen, 01 xe mô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy biển số 95E1-195.24, 640.000 đồng tiền Việt Nam và 02 đô la Mỹ.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T bị Công an huyện PH bắt cùng với tang vật gồm: 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng, 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng có hột hình tròn màu đen, 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng có hột màu trắng, 01 sợi dây chuyền kim loại màu trắng kiểu móc xích, 03 mắt dây đồng hồ kim loại màu trắng, 01 điện thoại di động hiệu Q-Mobile màu trắng; 01 bóp da màu nâu, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn T, 01 giấy phép lái xe hạng A2 tên Nguyễn Văn T, 01 chai nước hoa màu hồng, 01 chai nước hoa màu xanh không rõ nhãn hiệu, 2.823.000 đồng tiền Việt Nam, 01 tờ tiền nước ngoài có số seri: LP2306130.

Tổng số tài sản các bị cáo chiếm đoạt gồm có: 01 túi xách da màu xanh bên trong có 02 chai nước hoa, 01 két sắt bên trong có: 01 dây lắc vàng 15K trọng lượng 0,57 chỉ, 01 dây lắc vàng 15K trọng lượng 1,05 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 1,03 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 1,08 chỉ, 01 chiếc nhẫn kiểu vàng 15K trọng lượng 1,3 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng trắng (bạch kim) trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng trắng (bạch kim) trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc nhẫn cưới vàng trắng (bạch kim) trọng lượng 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng Ý trọng lượng 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 07 chỉ, 01 chiếc nhẫn kiểu vàng 15K trọng lượng 1,2 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 1,3 chỉ, 02 sợi dây chuyền vàng Ý, 01 chiếc nhẫn vàng 15K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 15K trọng lượng 01 chỉ, 01 mặt dây chuyền vàng Ý trọng lượng 01 chỉ, 02 con dấu tên Nguyễn Thị N và số tiền Việt Nam 47.900.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐGTS ngày 26/08/2015 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy ban nhân dân huyện PH kết luận:

1. 01 cái két sắt có giá trị là: 300.000 đồng.

2. 01 sợi dây lắc vàng 15K trọng lượng 0,57 chỉ có giá trị là: 1.219.800 đồng.

3. 01 sợi dây lắc vàng 15K trọng lượng 1,05 chỉ có giá trị là: 2.247.000 đồng.

4. 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 1,03 chỉ có giá trị là: 2.204.200 đồng.

5. 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 1,08 chỉ có giá trị là: 2.311.200 đồng.

6. 01 chiếc nhẫn kiểu vàng 15K trọng lượng 1,3 chỉ có giá trị là: 2.782.000 đồng.

7. 01 chiếc nhẫn vàng trắng có giá trị là: 1.824.000 đồng.

8. 01 chiếc nhẫn vàng trắng có giá trị là: 1.000.000 đồng.

9. 01 chiếc nhẫn cưới vàng trắng có giá trị là: 1.000.000 đồng.

10. 01 chai nước hoa có giá trị là: 400.000 đồng.

11. 01 chai nước hoa có giá trị là: 2.400.000 đồng.

12. 01 sợi dây chuyền vàng Ý trọng lượng 01 chỉ có giá trị là: 2.000.000 đồng.

13. 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 07 chỉ có giá trị là: 14.980.000 đồng.

14. 01 nhẫn kiểu vàng 15K trọng lượng 1,2 chỉ có giá trị là: 2.568.000 đồng.

15. 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 1,3 chỉ có giá trị là: 2.782.000 đồng.

16. 01 sợi dây chuyền vàng Ý chỉ có giá trị là: 2.000.000 đồng.

17. 01 sợi dây chuyền vàng Ý chỉ có giá trị là: 5.000.000 đồng.

18. 01 chiếc nhẫn vàng 15K trọng lượng 01 chỉ có giá trị là: 2.140.000 đồng.

19. 01 chiếc nhẫn vàng 15K trọng lượng 01 chỉ có giá trị là: 2.140.000 đồng.

20. 01 mặt dây chuyền vàng Ý có giá trị là: 2.000.000 đồng.

21. 02 con dấu tên Nguyễn Thị N có giá trị là: 1.000.000 đồng.

22. 01 túi xách da có giá trị là: 8.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 62.698.200 đồng; tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 65.598.200 đồng (bao gồm 62.698.200 đồng giá trị tài sản định giá và 2.900.000 đồng).

Vật chứng thu giữ trong vụ án đã được trao trả cho chủ sở hữu gồm có: 01 dây lắc vàng 15K trọng lượng 0,57 chỉ, 01 dây lắc vàng 15K trọng lượng 1,05 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 1,03 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 1,08 chỉ, 01 chiếc nhẫn kiểu vàng 15K trọng lượng 1,3 chỉ, 02 chiếc nhẫn vàng trắng (bạch kim), 02 chai nước hoa, 01 sợi dây chuyền vàng Ý, 03 mắt dây đồng hồ màu trắng, 2.540.000 đồng tiền Việt Nam.

Các vật chứng không thu giữ được gồm có: 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 07 chỉ, 01 chiếc nhẫn kiểu vàng 15K trọng lượng 1,2 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 15K trọng lượng 1,3 chỉ, 03 sợi dây chuyền vàng Ý; 01 chiếc nhẫn vàng 15K trọng lượng 01 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 15K trọng lượng 01 chỉ, 01 mặt dây chuyền vàng Ý trọng lượng 01 chỉ, 02 con dấu tên Nguyễn Thị N; 01 túi xách da.

Đối với Dương Công B đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PH đã khởi tố và ra lệnh truy nã.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2017/HSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Hậu Giang quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Từ Vũ P phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; Điều 33; khoản 2 Điều 46; điểm b khoản 2 Điều 49; Điều 53 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 11/6/2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử phạt Từ Vũ P 02 năm 09 tháng tù, tuyên về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28/9/2017, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, lập công tố giác tội phạm và bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo sớm được hòa nhập cộng đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm: Cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo T về tội Trộm cắp tài sản theo điểm c, e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, mức án 04 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là phù hợp. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo T với lý do đã lập công tố giác tội phạm là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, đối với vấn đề bị cáo nêu ra sau khi hủy bản án sơ thẩm lần thứ nhất bị cáo đã thành khẩn khai báo, tích cực phát hiện hành vi của B để xử lý theo quy định pháp luật, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai bị cáo đã được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là có cơ sở. Mặc dù lời khai của bị cáo còn mâu thuẫn nhưng cơ bản bị cáo có thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho bị cáo, cùng với tình tiết bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt từ 04 năm tù xuống còn 03 năm 06 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định: Vào ngày 11/6/2015,

các bị cáo Nguyễn Văn T, Từ Vũ P đã có hành vi lén lút đột nhập vào nhà chị Nguyễn Thị N và anh Lê Long H để trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra chứng minh được tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt theo kết luận định giá là 54.630.000 đồng. Với hành vi và giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt được đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm" nên còn phải chịu thêm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Việc cấp sơ thẩm truy tố, xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T với các lý do bị cáo đã thành khẩn khai báo, được bị hại làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt, đã lập công tố giác tội phạm. Ngoài ra, bị cáo còn cho rằng khi xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ, xử phạt bị cáo 04 năm tù. Sau khi án bị hủy, bị cáo đã khai rõ về hành vi phạm tội, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xử phạt bị cáo mức án 04 năm tù là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Đối với lý do đã lập công tố giác tội phạm: Xét thấy, sau khi xét xử sơ thẩm lần thứ nhất, bị cáo T có khai báo về số tiền 45.000.000 đồng mà bị hại N cho rằng bị mất trộm là bị cáo T và Dương Công B cất giấu trong bọc đen. Quá trình điều tra chưa đủ cơ sở để chứng minh lời khai của bị cáo T là có căn cứ và có mâu thuẫn về mệnh giá tiền giữa lời khai của bị cáo T và bị hại N. Do đó, không đủ cơ sở để áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo. Trong quá trình điều tra lại cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo T đã thừa nhận hành vi phạm tội nhưng giữa bị cáo T và Từ Vũ P đều có lời khai mâu thuẫn, đổ lỗi cho nhau về vai trò thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm lần thứ nhất và trong quá trình điều tra, xét xử lại vụ án sau khi Tòa án cấp phúc thẩm hủy án, bị cáo T cũng đã thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân và khai nhận về quá trình thực hiện tội phạm. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo tương ứng với mức độ khai báo của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Kháng cáo của bị cáo T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm c, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; khoản 2 Điều 49; Điều 53 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/6/2015.

Về án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Trại tạm giam;
- PV27 - Công an tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Phụng Hiệp;
- VKSND huyện Phụng Hiệp;
- CQCSĐT CA huyện Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Phụng Hiệp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thanh